

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2019/DS-ST
Ngày: 26-9-2019.
V/v: Tranh chấp hụi.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Cẩm Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Hai.

2. Bà Quang Kim Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Vân An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Lai Vung mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 140/2019/TLST-DS, ngày 27/5/2019, “V/v: Tranh chấp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2019/QĐXXST-DS ngày 23/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 572/2019/QĐXXST-DS ngày 09/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trịnh Thị Li, sinh năm 1974, địa chỉ: 219B/5, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Nguyễn Văn S, sinh năm 1961.

Trần Kim L (M), sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: 64A/6, ấp Th, xã T, huyện L, Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/4/2019, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 17/7/2019, thông báo kết quả phiên họp và tại phiên tòa nguyên đơn Trịnh Thị Li trình bày: Vào ngày 15/3/2017 âm lịch, bà có làm chủ dây hụi tháng, giá 2.000.000đ gồm 22 hụi viên, hụi khui vào ngày 15/3/2017, ông Nguyễn Văn S, bà Trần Kim L (M) tham gia 01 phần, hụi mãi vào ngày 15/11/2018 âm lịch. Bà L,

ông S tham gia đến lần thứ hai thì hốt được 32.200.000đ, sau đó đóng tiếp 10 lần hụi chết, còn lại 10 lần hụi chết là 20.000.000đ đến nay chưa đóng. Nay bà yêu cầu bà L, ông S có nghĩa vụ trả cho bà tiền hụi 20.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn S, bà Trần Kim L (M) có nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nhưng có văn bản ý kiến vào ngày 03/8/2019 như sau: Trước đây, tôi là Trần Kim L có làm ăn qua lại với bà Li qua hình thức góp hụi, tuy nhiên đến nay tôi và bà Li không còn làm ăn nữa và cũng không còn thiếu nợ bà Li bất kỳ khoản tiền nào.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa bà Li yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L và ông S liên đới trả vốn hụi 20.000.000đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn S, bà Trần Kim L (M) có ký nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông S, bà L vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý.

[2] Về nội dung vụ án:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét yêu cầu của bà Li yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L (M) và ông S trả nợ hụi 20.000.000đ, không yêu cầu tính lãi là có căn cứ, bởi lẽ: bà Li cung cấp cho Tòa án danh sách hụi viên khai ngày 15/3/2017 âm lịch có ghi tên M, giấy giao hụi ngày 23/4/2017, trong đó người ký nhận số tiền 32.200.000đ là M, tại Đơn xác nhận ngày 26/9/2019 của Công an xã T xác nhận bà Trần Kim L, sinh năm: 1967, tên thường gọi M và tại văn bản ý kiến ngày 3/8/2019, bà L và ông S thừa nhận trước đây có tham gia chơi hụi của bà Li nhưng đến nay không còn nợ bà Li bất kỳ khoản tiền nào. Việc bà L, ông S tham gia chơi hụi của bà Li là có thật, do đó xét yêu cầu của bà Li là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn S, bà Trần Kim L (M) kể từ khi thụ lý vụ án này, Toà án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo luật định và các bị đơn có ký nhận các văn bản tố tụng của Tòa án vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nhưng có văn bản ý kiến ngày 3/8/2019 thừa nhận trước đây có làm ăn qua lại với bà Li qua hình thức góp hội, tuy nhiên đến nay không còn làm ăn nữa và cũng không còn thiếu nợ bà Li bất kỳ khoản tiền nào. Ngày 6/8/2019 ông S đã nhận được Thông báo về việc yêu cầu đương sự bổ sung chứng cứ số 140/2019/TB-TA ngày 6/8/2019 của Tòa án yêu cầu ông S, bà L cung cấp các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc bà L, ông S không còn nợ hội bà Li nhưng các bị đơn không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để bảo vệ quyền lợi cho mình. Do đó xét yêu cầu của bà Li là chính đáng nên Hội đồng xét xử cần buộc bà L, ông S có trách nhiệm liên đới trả cho bà Li 20.000.000đ là phù hợp với Điều 471 của Bộ luật dân sự.

Tại khoản 1 Điều 471 của Bộ luật dân sự quy định: “Họ, hội, biều, phường (sau đây gọi chung là họ) là hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thỏa thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh họ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên”.

...

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của bà Li nên ông S, bà L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 217; Điều 218; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 357 và 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Văn S, bà Trần Kim L (M) liên đới có trách nhiệm trả cho bà Trịnh Thị Li 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1

Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí, tạm ứng án phí:

Ông Nguyễn Văn S, bà Trần Kim L (M) phải liên đới chịu 1.000.000đ (một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trịnh Thị Li 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án theo biên lai số 0001552, ngày 24/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (26/9/2019). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời gian kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Cẩm Hồng

